

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày: 15/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Vũ Quý Đông.

Ông: Nguyễn Hữu Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn N- sinh ngày 07 tháng 11 năm 1979; Nơi cư trú: Khu C, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá học hết lớp 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Q- sinh năm 1952, con bà Nguyễn Thị Q1- sinh năm 1956; Vợ Nguyễn Thị B- sinh năm 1983; Con có một con sinh năm 2008; Tiền án: 01 tiền án; Bản án số 25/2019/HSST ngày 16/05/2019, Tòa án nhân dân huyện Đ2 xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. Nguyễn Đức T- sinh ngày 12 tháng 10 năm 1990; Nơi cư trú: Khu C, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá học hết lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hải Đ1- sinh năm 1960, con bà Lê Thị C1- sinh năm 1964; Vợ Ninh Thị L1- sinh năm 1999; Con có một con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 234/2012/HSST ngày 17/07/2012, Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp T sản. Ngày 21/11/2012, T nộp xong án phí HSST. Ngày 26/12/2014, T chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. Lương Hải Q- sinh ngày 30 tháng 4 năm 1993; Nơi cư trú: Khu C, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá học hết lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn B- sinh năm 1969, con bà Trương Thị H4- sinh năm 1970; Vợ Bùi Thị N- sinh năm 1991; Con có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm

2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

4. Đào Mạnh H- sinh ngày 15 tháng 01 năm 1983; Nơi cư trú: Khu C, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá học hết lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Thanh I (đã chết), con bà Doãn Thị H4 (đã chết); Vợ Mai Thị M- sinh năm 1988; Con có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

5. Lê Văn L- sinh ngày 05 tháng 8 năm 1985; Nơi cư trú: Khu Nhà Hóp, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá học hết lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Tiến Q3- sinh năm 1958, con bà Trần Thị V- sinh năm 1963; Vợ Hà Thị T3- sinh năm 1987; Con có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

6. Nguyễn Minh T2- sinh ngày 11 tháng 11 năm 1987; Nơi cư trú: Khu C, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá học hết lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hải Đ3- sinh năm 1960, con bà Lê Thị C3- sinh năm 1964; Vợ Nguyễn Thị H5- sinh năm 1987; Con có ba con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

7. Nguyễn Văn Đ- sinh 12 ngày 8 tháng năm 1983; Nơi cư trú: Thôn Viên Nội, xã V2, huyện Đ4, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá học hết lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L2- sinh năm 1957, con bà Nguyễn Thị V1- sinh năm 1959; Vợ, con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

8. Nguyễn Tôn H2- sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn Viên Nội, xã V2, huyện Đ4, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá học hết lớp 4/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tôn Đ4 (đã chết), con bà Nguyễn Thị T4 (đã chết); Vợ Nguyễn Thị T5- sinh năm 1962; Con có năm con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

9. Đặng Văn H3- sinh ngày 15 tháng 3 năm 1980; Nơi cư trú: Khu C, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hoá học hết lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con

ông Đặng Văn M- sinh năm 1957, con bà Nguyễn Thị Q4- sinh năm 1959; Vợ Ngô Thị T5- sinh năm 1977; Con có hai con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Hải Đ3- sinh năm 1960.

Trú tại: Khu C, xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 05/02/2020, tại nhà ở của ông Nguyễn Hải Đ3 ở khu C, xã H3, huyện Đ2, Công an huyện Đ2 đã phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 09 đối tượng gồm: Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 đang có hành vi đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa. Quá trình lập biên bản đã thu giữ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 Q vị hình tròn cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 chiếu cói, 01 chiếu nhựa cùng tổng số tiền 11.250.000đ gồm 10.050.000đ thu giữ tại vị trí đánh bạc và 1.000.000đ thu giữ trong người Nguyễn Đức T, 200.000đ thu giữ trong người Nguyễn Tôn H2.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng đều thừa nhận hành vi đánh bạc trái phép của mình cụ thể như sau:

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 05/02/2020, sau khi ăn cơm, uống rượu tại nhà Nguyễn Minh T2 xong, Lương Hải Q, Lê Văn L, Nguyễn Đức T và Đặng Văn H3 rủ nhau sang nhà bố đẻ của T2 là ông Nguyễn Hải Đ3 ở gần đó để chơi. Lúc này, ông Đ3 do say rượu nên đã ngủ. Ngồi uống nước được khoảng 10 phút, Q rủ L, T, H3 chơi đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, được thua bằng tiền. Lương, T, H3 đồng ý. Q đi xuống bếp nhà ông Đ3, lấy 01 chiếc kéo có chuôi cầm màu xanh có sẵn ở bếp rồi lấy mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long của mình cắt làm 04 Q vị hình tròn, sau đó lấy thêm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, trải 01 chiếu nhựa, 01 chiếu cói của gia đình ông Đ3 xuống nền bếp rồi cùng L, T, H3 ngồi xuống chiếu chơi đánh bạc, thống N hình thức chơi như sau:

Q là người cầm cái. Người cầm cái cho 04 Q vị vào đĩa sứ, úp bát sứ lên, xóc vài lần rồi đặt xuống, người chơi đặt cửa chặn, lẻ, mức đặt cửa tùy ý, tối thiểu là 10.000đ/ván. Sau đó, Q mở bát ra để tính thắng, thua. Quy định nếu 2 hoặc 4 mặt của Q vị cùng màu thì người đặt cửa chặn thắng, nếu 3 mặt cùng màu thì người đặt cửa lẻ thắng. Người thắng được số tiền bằng số tiền đã đặt từ Q, nếu thua thì mất số tiền đã đặt cược cho Q.

Khi Q, L, T, H3 đang đánh bạc với nhau thì Đào Mạnh H đến và tham gia đánh bạc. Sau đó, Nguyễn Minh T2 cùng Nguyễn Tôn H2, Nguyễn Văn Đ và Đặng Văn N đến và cũng tham gia đánh bạc.

Trong quá trình chơi, Lương Hải Q có 6.000.000đ, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; Lê Văn L có 950.000đ, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; Nguyễn Đức T có 1.320.000đ, sử dụng 320.000đ để đánh bạc; Đặng Văn H3 có 200.000đ, sử dụng

toàn bộ để đánh bạc; Đào Mạnh H có 1.500.000đ, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; Nguyễn Minh T2 có 500.000đ, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Nguyễn Tôn H2 có 430.000đ, sử dụng 230.000đ để đánh bạc; Nguyễn Văn Đ có 300.000đ, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; Đặng Văn N có 50.000đ, sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.050.000đ.

Các bị cáo đánh bạc đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an huyện Đ2 phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang như đã nêu trên.

Đối với ông Nguyễn Hải Đ3 là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc nhưng ông Đ3 không biết, không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về điều kiện kinh tế: Các bị cáo đều sống chung với gia đình, có T sản chung vợ chồng, không có T sản riêng gì có giá trị. Riêng bị cáo Lương Hải Q, Lê Văn L thuộc diện hộ nghèo.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, ông Nguyễn Hải Đ3 đã tự nguyện giao nộp chiếc kéo mà Q sử dụng để cắt Q vị. Hiện Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ chiếc kéo trên cùng với 04 Q vị, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu cói, 01 chiếu nhựa và tổng số tiền 11.250.000đ là vật chứng của vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 28, ngày 24/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ2 đã truy tố các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn N.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ là 06 ngày (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Đặng Văn N còn phải chấp hành từ 05 tháng 24 ngày đến 08 tháng 24 ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Đức T được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Đức T còn phải chấp hành từ 14 (mười bốn) tháng 12 (Mười hai) đến 17 (Mười bảy) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy

ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Đức T từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3.

+ Xử phạt bị cáo Lương Hải Q từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Lương Hải Q được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Lương Hải Q còn phải chấp hành từ 14 (mười bốn) tháng 12 (Mười hai) đến 17 (Mười bảy) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Lương Hải Q từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Đào Mạnh H từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Đào Mạnh H được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Đào Mạnh H còn phải chấp hành từ 11 (mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày đến 14 (Mười bốn) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Đào Mạnh H từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Lê Văn L được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Lê Văn L còn phải chấp hành từ 11 (mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày đến 14 (Mười bốn) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Lê Văn L từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Minh T2 được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Minh T2 còn phải chấp hành từ 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày đến 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Văn Đ được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười

tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Văn Đ còn phải chấp hành từ 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày đến 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V2, huyện Đ4, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tôn H2 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Tôn H2 được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Tôn H2 còn phải chấp hành từ 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày đến 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V2, huyện Đ4, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Tôn H2 từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Văn H3 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Đặng Văn H3 được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Đặng Văn H3 còn phải chấp hành từ 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày đến 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Doanh Hùng, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Đặng Văn H3 từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo: Nguyễn Đức T 1.000.000đ (một triệu đồng); Nguyễn Tôn H2 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kéo chuỗi cầm màu vàng, dài 20cm; 01 bát sứ, màu trắng, đường kính miệng bát 11,5cm; 01 đĩa sứ, màu trắng, hình tròn, đường kính 18cm; 04 Q vị hình tròn, đường kính 02cm; 01 chiếc nhựa, sọc kẻ đỏ, vàng, xanh, kích thước 205cm x 150cm; 01 chiếc cối, màu xám trắng, kích thước 190cm x 90cm.

Về án phí:

Các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng hình sự: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát cũng như hành vi tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy tố là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 đều khai nhận: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 05/02/2020, tại nhà ở của ông Nguyễn Hải Đ3 ở khu C, xã H3, huyện Đ2, Công an huyện Đ2 đã phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Văn L, Đào Mạnh H, Đặng Văn H3, Lương Hải Q, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Tôn H2, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn N đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc: Đặng Văn N 50.000đ, Nguyễn Đức T 320.000đ, Lương Hải Q 6.000.000đ, Đào Mạnh H 1.500.000đ, Lê Văn L 950.000đ, Nguyễn Minh T2 500.000đ, Nguyễn Văn Đ 300.000đ, Nguyễn Tôn H2 230.000đ, Đặng Văn H3 200.000đ. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 10.050.000đ, (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các biên bản hỏi cung bị can, bản kiểm điểm của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản sự việc do Công an huyện Đ2 lập, vật chứng của vụ án cùng các T liệu đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Nội dung khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“ Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm trật tự, an ninh xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần thiết phải xử nghiêm để giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và ngăn chặn, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Đặng Văn N phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, bị cáo Nguyễn Đức T năm 2012 đã bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp T sản” bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án, các bị cáo Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 trước khi phạm tội đều chưa từng vi phạm pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Văn N phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ nên lần phạm tội này là tái phạm, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy

định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét: Các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng; Trong vụ án này bị cáo Lương Hải Q tham gia thực hiện tội phạm với vai trò là người khởi xướng, các bị cáo Lê Văn L, Đào Mạnh H, Đặng Văn H3, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Tôn H2, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn Đ, Đặng Văn N tham gia với vai trò là đồng phạm tích cực. Bị cáo N nhân thân có một tiền án, phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy cần áp dụng một hình phạt tù với mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo. Ngoài ra bị cáo N khi phạm tội bị cáo còn 11 ngày phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng không quy đổi và tổng hợp vào bản án này vì đến khi xét xử bị cáo đã hết thời gian chấp hành bản án cải tạo không giam giữ. Đối với thời gian bị cáo bị tạm giữ phải khấu trừ cho bị cáo khi áp dụng hình phạt. Đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 nhân thân không có tiền án, tiền sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đều phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn và đều có nơi cư trú ổn định nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt cụ thể của các bị cáo T, Q phải cao hơn mức hình phạt của các bị cáo Hà, Lương vì bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo Q là người khởi xướng. Mức hình phạt của các bị cáo Hà, Lương phải cao hơn mức hình phạt của các bị cáo Tuấn, Đ, Hùng vì các bị cáo Hà, Lương sử dụng khoản tiền đánh bạc lớn hơn các bị cáo Tuấn, Đ, Hùng. Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 làm nghề lao động tự do, mức thu nhập ổn định bình Q 3.000.000đ/ tháng nên cần áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự để khấu trừ thu nhập của bị cáo với mức khấu trừ thu nhập 5%/ tháng trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn

Tôn H2 và Đặng Văn H3 đều không có T sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền thu giữ của bị cáo: Nguyễn Đức T 1.000.000đ (một triệu đồng); Nguyễn Tôn H2 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), đây là khoản tiền riêng của hai bị cáo, bị cáo T và H2 không sử dụng số tiền này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho hai bị cáo.

- Đối với vật chứng thu giữ tại nhà ông Nguyễn Hải Đ3: 01 chiếc kéo chuôi cầm màu vàng, dài 20cm; 01 bát sứ, màu trắng, đường kính miệng bát 11,5cm; 01 đĩa sứ, màu trắng, hình tròn, đường kính 18cm; 04 Q vị hình tròn, đường kính 02cm; 01 chiếu nhựa, sọc kẻ đỏ, vàng, xanh, kích thước 205cm x150cm; 01 chiếu cói, màu xám trắng, kích thước 190cm x 90cm. Đây là những vật chứng liên quan trực tiếp đến hành vi đánh bạc của các bị cáo, những vật chứng này hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 phải nộp theo qui định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ2 về tội danh, mức hình phạt và đường lối xử lý vật chứng đối với các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 là đúng pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn N.

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 08 (Tám) tháng tù, bị cáo Đặng Văn N được khấu trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020). Bị cáo Đặng Văn N còn phải chấp hành 07 (Bảy) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Đức T được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Đức T còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Đức T với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 15 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 15 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3.

- Tuyên bố các bị cáo: Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”.

3.1 Xử phạt bị cáo Lương Hải Q 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Lương Hải Q được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Lương Hải Q còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lương Hải Q cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lương Hải Q với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 15 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 15 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Lương Hải Q.

3.2 Xử phạt bị cáo Đào Mạnh H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Đào Mạnh H được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Đào Mạnh H còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đào Mạnh H cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đào Mạnh H với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 12 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 12 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Đào Mạnh H.

3.3 Xử phạt bị cáo Lê Văn L 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Lê Văn L được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Lê Văn L còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Văn L với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 12 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 12 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Lê Văn L.

3.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Minh T2 được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Minh T2 còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T2 cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Minh T2 với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 09 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 09 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Minh T2.

3.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Văn Đ được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Văn Đ còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã V2, huyện Đ4, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 09 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 09 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

3.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tôn H2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Tôn H2 được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Nguyễn Tôn H2 còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Tôn H2 cho Ủy ban nhân dân xã V2, huyện Đ4, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Tôn H2 với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 09 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 09 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Tôn H2.

3.7. Xử phạt bị cáo Đặng Văn H3 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo Đặng Văn H3 được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ = 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày 05/02/2020 đến ngày 11/02/2020), bị cáo Đặng Văn H3 còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã H3, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đặng Văn H3 với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 09 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 09 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Đặng Văn H3.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3.

4. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo: Nguyễn Đức T 1.000.000đ (một triệu đồng); Nguyễn Tôn H2 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kéo chuỗi cầm màu vàng, dài 20cm; 01 bát sứ, màu trắng, đường kính miệng bát 11,5cm; 01 đĩa sứ, màu trắng, hình tròn, đường kính 18cm; 04 Q vị hình tròn, đường kính 02cm; 01 chiếc nhựa, sọc kẻ đỏ, vàng, xanh, kích thước 205cm x 150cm; 01 chiếc cối, màu xám trắng, kích thước 190cm x 90cm.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ: Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Văn N, Nguyễn Đức T, Lương Hải Q, Đào Mạnh H, Lê Văn L, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tôn H2 và Đặng Văn H3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- VKSND huyện Đoan Hùng
- VKS tỉnh Phú Thọ.
- Sở tư pháp.
- CA huyện Đoan Hùng.
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng.
- UBND xã H3, V2.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn